

**M t s v n lý lu n và th c ti n v  
phát tri n c m ngành công nghi p**

Nguy n Th Xuân Thúy  
Di n àn Phát tri n Vi t Nam (VDF)  
[thuy@vdf.org.vn](mailto:thuy@vdf.org.vn)

à N ng, 27/7/2011

# [ Nội dung trình bày ]

- Khái niệm, lý thuyết và các loại hình công nghệ công nghiệp
- Hiện trạng phát triển công nghệ công nghiệp Việt Nam
- Nguyên nhân & giải pháp chính sách

# Khái niệm cụm ngành công nghiệp

- **Sonobe & Otsuka (2006):** sử dụng trung tâm địa lý của các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng giăng nhau hoặc có liên quan mặt thị trường với nhau trong phạm vi nhất định.
- **Kuchiki (2007):** sử dụng trung tâm địa lý trong một quốc gia hoặc một vùng của các doanh nghiệp có liên kết với nhau, các nhà cung cấp chuyên biệt, các nhà cung cấp dịch vụ và các tổ chức có liên quan trong một lĩnh vực nhất định.
- **Porter (1990):** sử dụng trung tâm địa lý của các doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan trong một lĩnh vực nhất định; bao gồm các ngành công nghiệp và các tổ chức có vai trò quan trọng trong cạnh tranh, như chính phủ và các tổ chức khác cung cấp hỗ trợ nguồn nhân lực, giáo dục, thông tin, nghiên cứu, và hỗ trợ kỹ thuật.

# Khái niệm cụm ngành công nghiệp

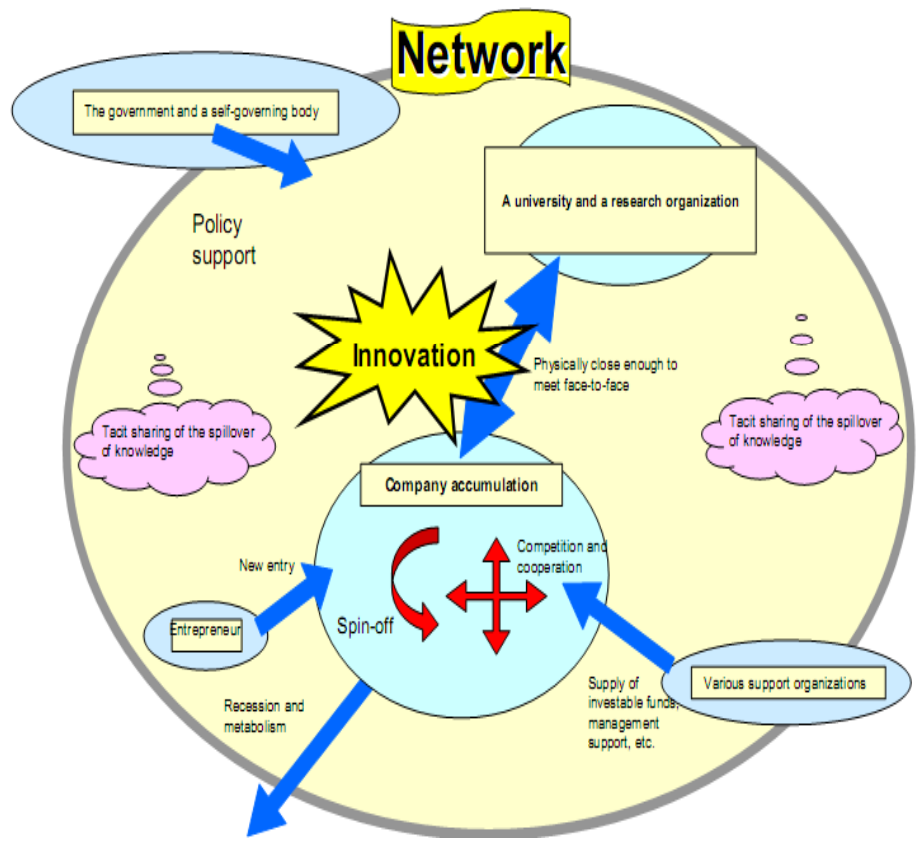
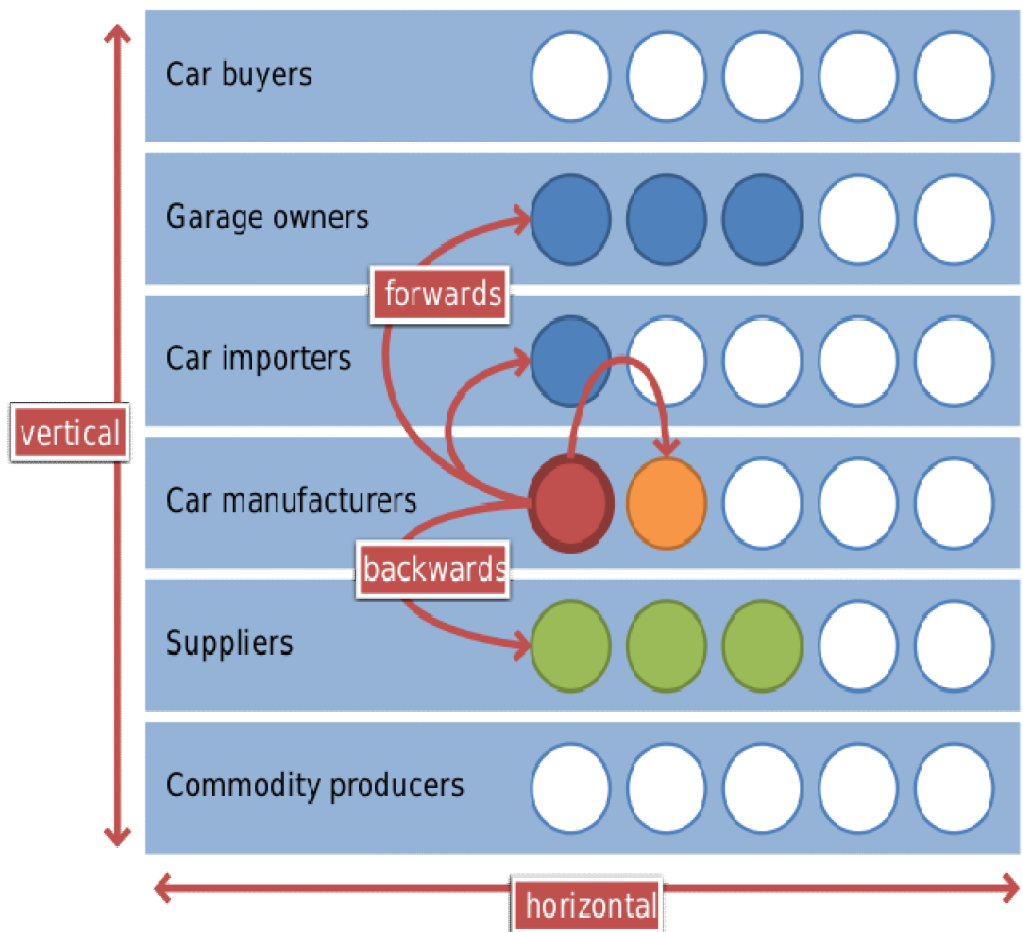
## ■ Khái niệm chung:

- Nhóm các doanh nghiệp
- Tập trung về địa lý

## ■ Khái niệm khác biệt:

- Mối liên kết (liên kết dọc & liên kết ngang)
- Quy mô địa lý và mạng lưới liên kết giữa các doanh nghiệp và tổ chức liên quan

# [ Khái niệm cụm ngành công nghiệp ]



# Lý thuyết v cơ m ngành công nghi p

Các tr ãng phái lý thuy t	ng c c a t p trung công nghi p	Nghiên c u ch y u
Lý thuy t t p trung c ì n	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Th tr ãng lao ãng d ì dào</li> <li>-Chia s u vào</li> <li>-Chia s thông tin</li> <li>-C t gi m chi phí v n t ì</li> </ul>	Marshall (1890), Weber (1929), Ohlin (1933), Hoover (1937), Sonobe & Otsuka (2006)
Kinh t h c a lý/ a kinh t m ì	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Các l c t p trung (h ãng tâm)</li> <li>-Các l c phân tán (ly tâm)</li> </ul>	Krugman (1991), Venables (1996), Fujita and Thisse (2002)
Tr ãng phái chuyên môn hóa linh ho t	<ul style="list-style-type: none"> <li>-M ãng l ì xã h ì</li> <li>-M ì quan h cá nhân</li> <li>-Lu ãng thông tin ãng m</li> </ul>	Brusco (1982), Piore and Sable (1984), Scott (1988), Storper (1995)
H th ãng ì m ì vùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>-T o ra và chia s tri th c</li> <li>- ì m ì, h c h ì</li> </ul>	Lundval (1992), Cooke and Morgan (1998), malmberg and Makell (2002)
N ãng l c c nh tranh	-L ì th c nh tranh vùng (h p tác và c nh tranh; liên k t v ì các t ch c; ngu ãng l c và c s h t ãng trong vùng)	Porter (1990)
Ngo ì ãng ãng	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Lan t a tri th c</li> <li>-Tác ãng ngo ì ãng c a giáo d c và nghiên c u</li> </ul>	Romer (1986), Lucas (1988)

Ngu n: Bekele & Jackson (2006)

# Các loại hình công nghiệp

Loại hình công nghiệp	Đặc điểm của doanh nghiệp trong công nghiệp	Chức năng chính
Marshallian	Doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành	Tăng cường hoạt động kinh doanh, phát triển kinh doanh mới, và liên kết trong công nghiệp
May- và nan hoa	Một hoặc một vài doanh nghiệp lớn với nhiều nhà cung cấp nhỏ và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Mở rộng doanh nghiệp may-nhóm khuyến khích liên kết chặt chẽ nhân viên doanh nghiệp cung cấp trong ngành
Bộ phận v tinh	Chi nhánh quy mô vừa và nhỏ	Thu hút thêm các chi nhánh mới
Nhà sản xuất công nghiệp	Tổ chức công nghiệp phi lợi nhuận và các nhà cung cấp, doanh nghiệp dịch vụ có liên quan	Tăng cường hỗ trợ và hỗ trợ chính trị cho các tổ chức công nghiệp

Nguồn: Markusen (1994)

# Các loại hình cấu trúc ngành công nghiệp

Loại hình cấu trúc ngành	Đặc điểm chính yếu	Tài liệu tham khảo
Theo các nguyên lý vĩ kinh tế học địa lý (tập trung thu nhập túy)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên quan mật thiết với chuyên môn hóa vùng</li> <li>- Thuộc cùng một ngành công nghiệp trong phạm vi địa lý vùng</li> <li>- Lợi thế kinh tế nh quy mô bên ngoài</li> </ul>	Rosenfeld (1995), Swann & Prevezer (1996), Brenner (2004), Hanson (2000), Sonobe & Otsuka (2006)
Dựa trên các mối liên kết công nghiệp trong bảng cân đối liên ngành (liên kết dọc)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên kết đầu vào- đầu ra xuôi ngược</li> <li>- Liên quan lẫn nhau trong chuỗi giá trị hoặc quan hệ thống m</li> </ul>	Isard (1959), McCann (2005), Ó hUallachain (1984), Feser & Lugar (2002), Kuchiki (2007)
Theo cách tiếp cận lý thuyết của M. Porter (mang tính)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi thế cạnh tranh và lợi m</li> <li>- Chuyển giao công nghệ và thông tin</li> <li>- Mối liên hệ giữa các bên liên quan trong cấu trúc (công nghiệp – đào tạo – cơ sở hạ tầng – R&amp;D)</li> </ul>	Porter (1990), Redman (1994), Hill & Brennan (2000)

Nguồn: Hofe and Chen (2005)

# Hiệu quả phát triển công nghiệp Việt Nam

- Công nghiệp làng nghề truyền thống (tập trung chủ yếu) đã phát triển lâu, có vị trí trong các ngành nghề thủ công và sản phẩm truyền thống
- Loại hình công nghiệp hiện đại đang hình thành tại các khu công nghiệp như thị trường tham gia của các doanh nghiệp trong nước
- Thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp không theo hướng phát triển công nghiệp

# Nhận diện công nghệ

- Về tính, nhận diện thông qua sự tập trung cao của các doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan trong một lĩnh vực nhất định
- Về lợi nhuận, nhận diện thông qua thị trường khu vực hoặc phân tích bảng cân đối liên ngành
- Cho đến nay, chưa có nghiên cứu về công nghệ tại Việt Nam, chủ yếu là các nghiên cứu về lợi nhuận

# Hình thành c m ngành công nghi p

- C m ngành công nghi p có th xu t hi n m t cách t nhiên ho c nh có chính sách phát tri n c m ngành công nghi p
- G n ây, chính sách phát tri n c m ngành công nghi p càng c nhi u qu c gia trên th gi i th c hi n nh m t ng c ng n ng l c c nh tranh qu c gia, k c các n c phát tri n và ang phát tri n.
- Vi t Nam, c m ngành hình thành ch y u do t phát, quá trình xây d ng chính sách v n ch a th c s quan tâm n cách ti p c n theo c m ngành

# [ Nguyên nhân & giải ý chính sách ]

- Thông tin, nhận thức & sự quan tâm về các ngành công nghiệp còn thiếu
- Cách hiểu về các ngành công nghiệp không thống nhất, dẫn đến chính sách phát triển các ngành công nghiệp thiếu tính hệ thống
- Hệ thống chính sách không có tính chiến lược

## Examples of typical overseas clusters (high-tech type)

Country	Area	Main fields	Economic scale (area, population, etc.)	Main universities and research organizations	Main companies and ventures	Development history
U.S.	Silicon Valley	Information communication	Area about 50km long and 15km across with population of approx. 2,300,000 (Santa Clara County) *1	Stanford University (little UC Berkeley, UCSF at a slight distance). Enormous number of venture companies	About 5000 high-tech companies (approx. 1500 manufacturers, 2000 R&D and service companies)* 3, HP, Intel, Oracle, Sun Microsystems, etc.	Science park established in the 1950s. Spin-off from Fairchild. Major businesses from around the world set up research institutes in the 1990s.
	Austin (Texas)	Information communication	Workforce: About 100,000 (mainly high-tech companies)* 2	University of Texas at Austin	About 1750 high-tech companies, including Dell.* 2	National semiconductor research project in the 1980s. George Kozmetsky's activities led to large number of venture companies.
	Boston city zone	Medical apparatus, biotechnology	Population of about 700,000 concentrated along Route 128. (Boston + Cambridge)*4	MIT, Harvard University, Boston University, etc. Major hospitals such as Massachusetts General.	250 biotech companies (18% of US total). * 3 Includes 65 venture companies. 100 medical device companies. Biogen, Genzyme.	Harvard and MIT researchers set up one biotech venture after another in the 1970s and 1980s
	Research triangle park (North Carolina)	Pharmaceuticals and bioproducts	Three cities of Raleigh, Durham and Chapel Hill cover an area 20km long and 30km wide. Workforce: about 40,000.	Three universities: North Carolina State, Duke, and North Carolina. National environmental science laboratory, Research Triangle Park, etc.	Core U.S. research institute of Glaxo Smith Kline. Approx. 140 biotech ventures*. 65 biotech service companies.	State research park set up in 1960s. Developed at State government initiative. Spin-offs GSK increased in the 90s. State promotes biotech ventures.
Britain	Cambridge	Bioproducts	Workforce within 50km radius of central Cambridge: 32,000+ *5	Cambridge University Cambridge Science Park St. John's Innovation Centre	1250 high-tech companies, including about 150 biotech companies* 5,	Successive spin-offs from Cambridge University from 1980s. Next-level spin-offs from these in the 90s.
	Northeast Britain	Nanotechnology (new)	Population: approx. 2,600,000 (new high-tech enterprises have created about 13000 jobs)	Five universities including Durham, Newcastle, and Northumbria. COE project.	—	Northeast England development corporation established in 1999. COE in five fields including nanotechnology in cooperation with five universities.

# Chính sách phát triển công nghiệp OECD

	<b>Mega level</b>	<b>Meso level</b>	<b>Micro level</b>
1. National advantage	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Mapping</li> <li>• Competitive markets</li> <li>• Regulations and standardisation</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Foresights</li> <li>• Specialised RTD facilities</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Collaborative RTD programmes</li> </ul>
2. Inter-firm (SME) networking		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Supply chain development</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Brokerage</li> <li>• Networking programmes</li> <li>• Awareness raising</li> </ul>
3. Regional development	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Regional Competence Centre development</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Focused Inward investment</li> <li>• Supply-chain associations</li> <li>• Specialised technology transfer</li> <li>• Marketing clusters</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Brokerage</li> <li>• Networking programmes</li> <li>• Awareness raising</li> </ul>
4. Industry-RTD clustering	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Incentives RTD-industry collaboration (IPR, financial, etc.)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Collaborative RTD centres</li> <li>• programmes in specific areas</li> <li>• Prioritisation of R&amp;D expertise</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Technology circles</li> <li>• NTBF support</li> <li>• Procurement policy</li> </ul>

# [ Tài liệu tham khảo ]

- Barkley, D. L. & Henry, M. S (2001). Advantages and disadvantages of targeting industry clusters. REDRL Research Report, Clemson University.
- Bekele, G. W. & Jackson, R. W (2006). Theoretical perspectives on industrial clusters. Research Paper 2006-5, West Virginia University.
- Boekholt, P & Thuriaux, B (1999). Public policies to facilitate clusters: Background, rationale and policy practices in international perspective. In Boosing innovation the cluster Approach. OECD Proceedings.
- Gordon, I. R. & McCann, P. (2000). Industrial clusters: Complexes, agglomeration and/or social networks? Urban Studies, Vol.37, No.3, 513-532.
- Hofe, R. V & Chen, K (2006). Whither or not industrial cluster: Conclusions or confusions? The Industrial Geographer.
- Ketels, C., Nguyen, D.C, Nguyen, T.T.A & Do, H.H (2010). Vietnam Competitive Report.
- Kuchiki, A (2005). Theory of a flowchart approach to industrial cluster policy. Discussion Paper No. 36, Institute of Developing Economies.